




Màn hình Alienware AW2518HF

Hướng Dẫn Người Sử Dụng

Dòng máy: AW2518HF
Dòng máy theo quy định: AW2518HFb

A L I E N W A R E™ 

Chú ý, thận trọng và cảnh báo

-  **CHÚ Ý:** Thông tin **CHÚ Ý** cho biết thông tin quan trọng giúp bạn tận dụng tốt hơn máy tính của bạn.
-  **THẬN TRỌNG:** Thông tin **THẬN TRỌNG** chỉ báo khả năng hư hại đến phần cứng hoặc mất dữ liệu nếu không làm theo các hướng dẫn.
-  **CẢNH BÁO:** Thông tin **CẢNH BÁO** chỉ báo tiềm ẩn bị hư hỏng tài sản, bị thương hoặc tử vong.

Bản quyền © 2017-2019 Dell Inc. Đã đăng ký bản quyền. Sản phẩm này được bảo vệ bởi luật bản quyền và sở hữu trí tuệ Hoa Kỳ và quốc tế. Dell™ và logo Dell là thương hiệu của Dell Inc. tại Hoa Kỳ và/hoặc các nước khác. Tất cả các dấu hiệu và các tên khác được đề cập ở đây có thể là thương hiệu đã đăng ký của các công ty tương ứng.

2019 - 04

Rev. A03

Nội dung



| | |
|---|-----------|
| Thông Tin Về Màn Hình Của Bạn | 5 |
| Thành Phần Trong Hộp | 5 |
| Tính Năng Sản Phẩm | 7 |
| Nhận Biết Các Bộ Phận Và Điều Khiển | 8 |
| Nhìn Từ Trước | 8 |
| Nhìn Từ Sau | 9 |
| Nhìn từ phía sau từ phía dưới | 10 |
| Thông Số Màn Hình | 11 |
| Thông Số Màn Hình Phẳng | 11 |
| Thông Số Độ Phân Giải | 12 |
| Chế độ video được hỗ trợ | 12 |
| Chế độ hiển thị cài sẵn | 13 |
| Thông Số Điện | 14 |
| Đặc Điểm Vật Lý | 14 |
| Đặc Tính Môi Trường | 15 |
| Chế Độ Quản Lý Điện | 16 |
| Chỉ Định Chân | 18 |
| Khả Năng Cắm và Chạy | 19 |
| Giao Diện Cổng Kết Nối Đa Dạng (USB) | 20 |
| Đầu Nối Lên USB | 20 |
| Đầu Nối Xuống USB | 21 |
| Cổng USB | 21 |
| Chính Sách Điểm Ảnh Và Chất Lượng Màn Hình LCD | 22 |
| Hướng Dẫn Bảo Trì | 22 |
| Vệ Sinh Màn Hình | 22 |
| Cài Đặt Màn Hình | 23 |
| Lắp Chân Đế | 23 |

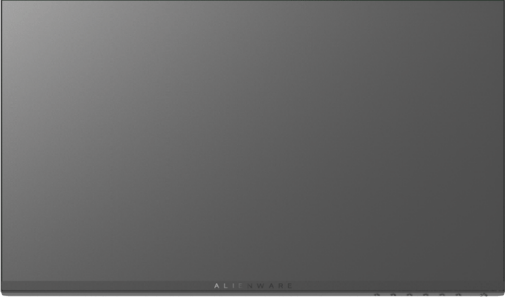

| | |
|--|-----------|
| Kết nối với máy tính | 26 |
| Tháo Chân Đế Màn Hình | 27 |
| Giá Đỡ Treo Tường (Tùy Chọn) | 29 |
| Sử Dụng Màn Hình | 30 |
| Bật Nguồn Màn Hình | 30 |
| Sử Dụng Điều Khiển Trên Bảng Điều Khiển Trước | 30 |
| Nút Bảng Điều Khiển Phía Trước | 31 |
| Sử Dụng Menu Hiển Thị Trên Màn Hình (OSD) | 32 |
| Truy Cập Hệ Thống Menu | 32 |
| Thông Báo Cảnh Báo OSD | 43 |
| Cài Đặt Độ Phân Giải Tối Đa | 45 |
| Sử dụng Nghiêng, Xoay và Kéo Thẳng | 46 |
| Nghiêng, Xoay | 46 |
| Kéo Thẳng | 47 |
| Xoay màn hình | 47 |
| Điều Chỉnh Cài Đặt Hiển Thị Xoay Cho Hệ Thống Của Bạn | 49 |
| Xử lý sự cố | 50 |
| Tự kiểm tra | 50 |
| Chẩn đoán tích hợp | 51 |
| Vấn Đề Thường Gặp | 52 |
| Vấn Đề Cụ Thể Theo Sản Phẩm | 54 |
| Vấn Đề Cụ Thể Với Cổng Kết Nối Đa Dụng (USB) | 55 |
| Phụ Lục | 56 |
| Thông Báo FCC (Chỉ U.S) Và Thông Tin Quy Định Khác | 56 |
| Liên hệ với Dell | 56 |







Thông Tin Về Màn Hình Của Bạn

Thành Phần Trong Hộp

Màn hình của bạn có các phụ kiện đi kèm được nêu dưới đây. Đảm bảo bạn nhận được tất cả các phụ kiện và [Liên hệ với Dell](#) kiểm tra xem có phần nào bị thiếu không.

-  **CHÚ Ý:** Một số phụ kiện có thể là tùy chọn và có thể không được giao kèm với màn hình của bạn. Một số tính năng hoặc nội dung đa phương tiện có thể không có ở một số nước.
-  **CHÚ Ý:** Để lắp với chân đế khác, hãy tham khảo hướng dẫn lắp đặt chân đế tương ứng để được hướng dẫn lắp đặt.

| | |
|--|-----------------|
|  | Màn hình |
|  | Bộ nâng chân đế |

| | |
|---|--|
|  | <p>Bộ chân đế</p> |
|  | <p>Nắp Từ</p> |
|  | <p>Nắp cáp</p> |
|  | <p>Cáp Nguồn (Khác nhau tùy theo quốc gia)</p> |
|  | <p>Cáp HDMI</p> |
|  | <p>Cáp Nối Lên USB 3.0 (Lắp cổng USB trên màn hình)</p> |
|  | <ul style="list-style-type: none"> • Hướng Dẫn Cài Đặt Nhanh • Thông Tin An Toàn, Môi Trường Và Quy Định |

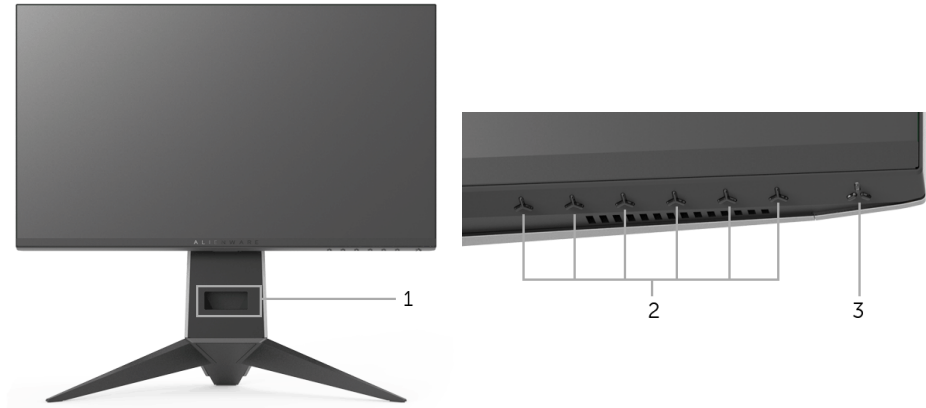
Tính Năng Sản Phẩm

Màn hình phẳng **Alienware AW2518HF** có Bán Dẫn Màn Mỏng (TFT), ma trận chủ động, Màn Hình Hiển Thị Tinh Thể Lỏng (LCD), và đèn nền LED. Tính năng màn hình gồm có:

- Vùng nhìn được là 62,23 cm (24,5-inch) (đo chéo).
Độ phân giải: Lên tới 1920 x 1080, qua cổng DisplayPort và HDMI, có thể hỗ trợ toàn màn hình hoặc độ phân giải thấp hơn.
- Màn hình AMD FreeSync, có độ làm mới rất cao 240 Hz và thời gian phản ứng nhanh 1 ms.
- Gam màu 72% NTSC.
- Khả năng chỉnh nghiêng, xoay, trục, và chiều cao.
- Chân đế tháo rời và lỗ lắp 100 mm theo quy định của Hiệp Hội Tiêu Chuẩn Điện Tử Video (VESA™) mang tới giải pháp lắp ráp linh hoạt.
- Kết nối số với DisplayPort và HDMI.
- Được trang bị 1 cổng nối lên USB và 4 cổng nối xuống USB.
- Khả năng cắm và chạy nếu được hệ thống của bạn hỗ trợ.
- Điều chỉnh được Hiển Thị Trên Màn Hình (OSD) để dễ dàng thiết lập và tối ưu hóa màn hình.
- Các chế độ màu cũng cung cấp các chế độ chơi game khác nhau, bao gồm cả FPS (Bắn góc nhìn thứ nhất), RTS (Chiến lược thời gian thực) và RPG (Trò chơi nhập vai), và 3 chế độ game để cá nhân hóa lựa chọn của bạn.
- Sử dụng 0,3 W điện chờ khi ở chế độ ngủ.
- Tối ưu khả năng làm dịu mắt với màn hình không nhấp nháy.
- Hiệu ứng lâu dài có thể có của tia sáng xanh từ màn hình có thể gây hại cho mắt, như làm mờ, mỏi mắt do kỹ thuật số và vân vân. Tính năng ComfortView được thiết kế để giảm lượng ánh sáng xanh phát ra từ màn hình, để làm dịu mắt đến mức tối ưu.

Nhận Biết Các Bộ Phận Và Điều Khiển

Nhìn Từ Trước



| Nhãn | Mô tả |
|------|---|
| 1 | Khe quản lý cáp (trên mặt trước của chân đế) |
| 2 | Nút chức năng (Để biết thêm thông tin, xem Sử Dụng Màn Hình) |
| 3 | Nút Bật/Tắt nguồn (có chỉ báo đèn LED) |

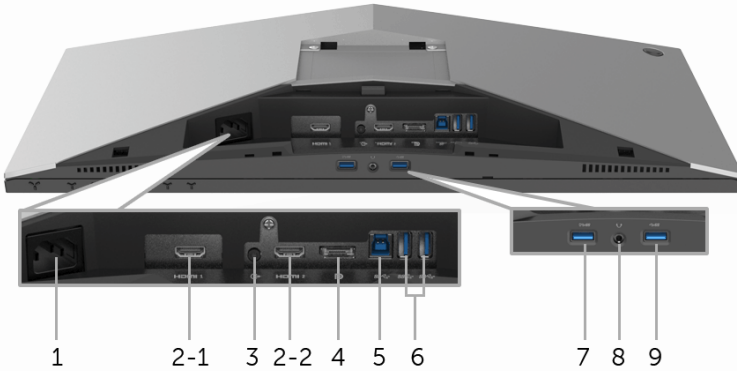
Nhìn Từ Sau



Nhìn từ sau có chân đế

| Nhãn | Mô tả | Sử dụng |
|------|---|---|
| 1 | Lỗ lắp VESA (100 mm x 100 mm - Nắp VESA lắp phía sau) | Màn hình treo tường sử dụng bộ treo tường tương thích VESA (100 mm x 100 mm). |
| 2 | Nhãn quy định | Liệt kê các phê chuẩn theo quy định. |
| 3 | Nút nhả chân đế | Nhả chân đế khỏi màn hình. |
| 4 | Nhãn số sê-ri mã vạch | Tham khảo nhãn này nếu bạn cần liên hệ với Dell để được hỗ trợ kỹ thuật. |
| 5 | Khe quản lý cáp (Ở hai bên trái và phải của chân đế) | Sử dụng để quản lý dây cáp bằng cách đặt chúng vào qua các khe. |

Nhìn từ phía sau từ phía dưới



Nhìn từ phía dưới và phía sau không có chân đế

| Nhãn | Mô tả | Sử dụng |
|-------------|-----------------------------|---|
| 1 | Đầu nối cáp nguồn | Kết nối cáp nguồn (đi kèm với màn hình). |
| 2 (1, 2) | Cổng HDMI | Kết nối máy tính với cáp HDMI (đi kèm với màn hình). |
| 3 | Cổng dây ra | Kết nối với loa. ПРИМЕЧАНИЕ: Cổng này không hỗ trợ tai nghe. |
| 4 | DisplayPort | Kết nối máy tính với cáp DP. |
| 5 | Cổng nối lên USB | Kết nối cáp USB (kèm theo màn hình của bạn) vào cổng này và máy tính của bạn để kích hoạt các cổng USB trên màn hình của bạn. |
| 6, 9 | Cổng USB 3.0 | Kết nối thiết bị USB. ПРИМЕЧАНИЕ: Để sử dụng cổng này, bạn phải kết nối cáp USB (kèm theo màn hình) vào cổng lên USB trên màn hình và vào máy tính của bạn. |
| 7 | Cổng xuống USB có sạc nguồn | Kết nối để sạc thiết bị USB của bạn. |
| 8 | Giắc cắm ra tai nghe | Kết nối tai nghe. |

Thông Số Màn Hình

Thông Số Màn Hình Phẳng

| | |
|--------------------------|---|
| Dòng máy | AW2518HF |
| Kiểu màn hình | Ma trận chủ động - TFT LCD |
| Công nghệ màn hình phẳng | TN |
| Tỷ Lệ Khung Hình | 16:9 |
| Hình ảnh xem được | |
| Chéo | 622,3 mm (24,5 inch) |
| Vùng Hoạt Động, Ngang | 543,74 mm (21,41 inch) |
| Vùng Hoạt Động, Dọc | 302,62 mm (11,91 inch) |
| Khu vực | 164545,63 mm ² (255,05 inch ²) |
| Mật độ điểm ảnh | 0,2832 mm x 0,2802 mm |
| Điểm ảnh mỗi inch (PPI) | 90 |
| Góc nhìn | Thông thường 160° (dọc) Thông thường 170° (ngang) |
| Công suất chiếu sáng | 400 cd/m ² (thông thường) |
| Tỷ lệ tương phản | 1000 đến 1 (thông thường) |
| Lớp phủ bề mặt | Chống lóa với độ cứng 3H |
| Đèn nền | Hệ thống đèn mép LED |
| Thời gian phản hồi | 1 ms xám-đến-xám |
| Độ sâu màu | 16,7 triệu màu |
| Gam màu | 72%* (CIE1931) |
| Thiết bị tích hợp | <ul style="list-style-type: none">• Ổ USB 3.0 siêu tốc độ (Với 1 x cổng lên USB 3.0)• 4 x cổng xuống USB 3.0 (gồm 1 cổng hỗ trợ sạc nhanh) |

| | |
|--|---|
| Kết nối | <ul style="list-style-type: none"> • 1 x DP 1.2 • 2 x HDMI 2.0 • 1 x Cổng lên USB 3.0 (Phía sau) • 2 x Cổng kết nối ngoại vi USB 3.0 (Phía sau) • 2 x Cổng kết nối ngoại vi USB 3.0 (Phía dưới) • 1 x Giắc cắm ra tai nghe (Phía dưới) • 1 x Giắc ra âm thanh (Phía sau) |
| Độ rộng viền (mép màn hình đến vùng hoạt động) | 6,02 mm (Trên/Trái/Phải) 19,23 mm (Đáy) |
| Khả năng điều chỉnh | |
| Chân chỉnh chiều cao | 0 đến 130 mm |
| Nghiêng | -5° đến 25° |
| Xoay | -20° đến 20° |
| Trục | -90° đến 90° |
| Tương Thích Dell Display Manager (DDM) | Có |

* Gam màu (thông thường) dựa theo tiêu chuẩn kiểm tra CIE1976 (82%) và CIE1931 (72%).

Thông Số Độ Phân Giải

| | |
|---------------------------------|---------------------------------|
| Dòng máy | AW2518HF |
| Phạm vi quét ngang | 249,1 kHz đến 263 kHz (tự động) |
| Phạm vi quét dọc | 30 Hz đến 240 Hz (tự động) |
| Độ phân giải cài đặt sẵn tối đa | 1920 x 1080 ở 240 Hz |

Chế độ video được hỗ trợ

| | |
|--------------------------------------|---|
| Dòng máy | AW2518HF |
| Khả năng phát video (phát HDMI & DP) | 480i, 480p, 576i, 576p, 720p, 1080i, 1080p, FHD |

Chế độ hiển thị cài sẵn

Chế độ hiển thị HDMI

| Chế Độ Hiển Thị | Tần Số Quét Ngang (kHz) | Tần Số Quét Dọc (Hz) | Đồng Hồ Điểm Ảnh (MHz) | Cực Đồng Bộ (Ngang/Dọc) |
|-----------------------------|-------------------------|----------------------|------------------------|-------------------------|
| VESA, VGA, 640 x 480 | 31,5 | 60 | 25,2 | -/- |
| VESA, 800 x 600 | 37,88 | 60 | 40 | +/+ |
| VESA, 1024 x 768 | 48,36 | 60 | 65 | -/- |
| HDTV, 1920 x 1080p | 67,5 | 60 | 148,5 | +/+ |
| HDTV, 1920 x 1080p @ 120 Hz | 137,26 | 120 | 285,5 | +/- |
| HDTV, 1920 x 1080p @ 144 Hz | 166,59 | 144 | 346,5 | +/- |
| HDTV, 1920 x 1080p @ 240 Hz | 291,31 | 240 | 594,27 | +/- |

Chế độ hiển thị DP

| Chế Độ Hiển Thị | Tần Số Quét Ngang (kHz) | Tần Số Quét Dọc (Hz) | Đồng Hồ Điểm Ảnh (MHz) | Cực Đồng Bộ (Ngang/Dọc) |
|-----------------------------|-------------------------|----------------------|------------------------|-------------------------|
| VESA, 640 x 480 | 31,5 | 60 | 25,2 | -/- |
| VESA, 800 x 600 | 37,88 | 60 | 40 | +/+ |
| VESA, 1024 x 768 | 48,36 | 60 | 65 | -/- |
| HDTV, 1920 x 1080p | 67,5 | 60 | 148,5 | +/+ |
| HDTV, 1920 x 1080p @ 120 Hz | 137,26 | 120 | 285,5 | +/- |
| HDTV, 1920 x 1080p @ 144 Hz | 166,59 | 144 | 346,5 | +/- |
| HDTV, 1920 x 1080p @ 240 Hz | 291,31 | 240 | 594,27 | +/- |

 **CHÚ Ý:** Màn hình này hỗ trợ AMD FreeSync.

Thông Số Điện

| Dòng máy | AW2518HF |
|---------------------------------|--|
| Tín hiệu vào video | <ul style="list-style-type: none">HDMI 2.0, 600 mV cho mỗi đường vi sai, 100 ohm trở kháng vào cho mỗi cặp vi saiDisplayPort 1.2, 600 mV cho mỗi đường vi sai, 100 ohm trở kháng vào cho mỗi cặp vi sai |
| Tín hiệu vào đồng bộ | Đồng bộ ngang và dọc riêng rẽ, mức TTL phi cực, SOG (Composite SYNC màu xanh lá cây) |
| Điện áp AC/tần số/dòng điện vào | 100 VAC đến 240 VAC / 50 Hz hoặc 60 Hz \pm 3 Hz / 1,5 A (thông thường) |
| Điện khởi động | <ul style="list-style-type: none">120 V: 30 A (Tối đa) tại 0°C (khởi động nguội)220 V: 60 A (Tối đa) tại 0°C (khởi động nguội) |

Đặc Điểm Vật Lý

| Dòng máy | AW2518HF |
|--------------------------------------|--|
| Kiểu cáp tín hiệu | <ul style="list-style-type: none">Kỹ thuật số: HDMI, 19 chânKỹ thuật số: DisplayPort, 20 chân (không gồm cáp)Cổng Kết Nối Đa Dụng: USB, 9 chân |
| Kích thước (có chân đế) | |
| Chiều cao (kéo dài) | 523,3 mm (20,6 inch) |
| Chiều cao (thu gọn) | 418,4 mm (16,5 inch) |
| Chiều rộng | 555,8 mm (21,88 inch) |
| Chiều sâu | 268,6 mm (10,57 inch) |
| Kích thước (không có chân đế) | |
| Chiều cao | 327,9 mm (12,91 inch) |
| Chiều rộng | 555,8 mm (21,88 inch) |
| Chiều sâu | 64,6 mm (2,54 inch) |

| Kích thước chân đế | |
|---|--|
| Chiều cao (kéo dài) | 426,7 mm (16,8 inch) |
| Chiều cao (thu gọn) | 418,4 mm (16,5 inch) |
| Chiều rộng | 465,7 mm (18,33 inch) |
| Chiều sâu | 268,6 mm (10,57 inch) |
| Trọng lượng | |
| Trọng lượng gồm bao bì | 11,13 kg (24,52 lb) |
| Trọng lượng gồm bộ chân đế và cáp | 6,88 kg (15,15 lb) |
| Trọng lượng không có bộ chân đế (Để tham khảo khi lắp tường hoặc lắp VESA - không có cáp) | 3,38 kg (7,45 lb) |
| Trọng lượng của bộ chân đế | 3,20 kg (7,05 lb) |
| Độ bóng khung trước | Khung Đen - đơn vị độ bóng (tối đa) 20 |

Đặc Tính Môi Trường

| | |
|--|--|
| Dòng máy | AW2518HF |
| Tiêu Chuẩn Tương Thích | |
| <ul style="list-style-type: none"> • Màn hình có chứng nhận ENERGY STAR • Màn hình bằng kính không có thạch tín và thủy ngân | |
| Nhiệt độ | |
| Hoạt động | 0°C đến 40°C (32°F đến 104°F) |
| Không hoạt động | <ul style="list-style-type: none"> • Bảo quản: -20°C đến 60°C (-4°F đến 140°F) • Vận chuyển: -20°C đến 60°C (-4°F đến 140°F) |
| Độ ẩm | |
| Hoạt động | 10% đến 80% (không ngưng tụ) |
| Không hoạt động | <ul style="list-style-type: none"> • Bảo quản: 5% đến 90% (không ngưng tụ) • Vận chuyển: 5% đến 90% (không ngưng tụ) |

| | |
|------------------|--|
| Độ cao | |
| Hoạt động | 5.000 m (16.404 ft) (tối đa) |
| Không hoạt động | 12.192 m (40.000 ft) (tối đa) |
| Tản nhiệt | <ul style="list-style-type: none"> • 221,8 BTU/giờ (tối đa) • 60,0 BTU/giờ (bình thường) |

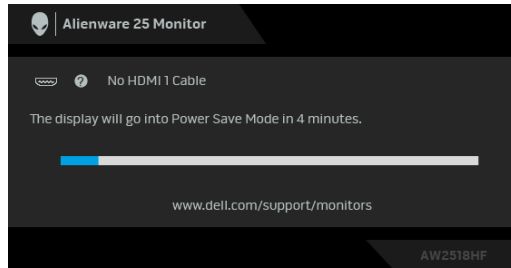
Chế Độ Quản Lý Điện

Nếu bạn có card hoặc phần mềm hiển thị tuân thủ DPM™ của VESA cài đặt trong máy tính của bạn thì màn hình có thể tự động giảm tiêu thụ điện khi không sử dụng. Tính năng này được gọi là **Chế Độ Tiết Kiệm Điện***. Nếu máy tính phát hiện có nhập liệu từ bàn phím, chuột hoặc các thiết bị nhập liệu khác, thì màn hình sẽ tự động khôi phục hoạt động. Bảng sau thể hiện mức tiêu thụ điện và báo hiệu của tính năng tiết kiệm điện tự động này.


| Chế Độ VESA | Đồng Bộ Ngang | Đồng Bộ Dọc | Video | Đèn Báo Nguồn | Tiêu Thụ Điện |
|-----------------------|-----------------|-----------------|-----------|------------------|--|
| Hoạt động bình thường | Hoạt động | Hoạt động | Hoạt động | Xanh | 65 W (tối đa)** 17,6 W (thông thường) |
| Chế độ chờ | Không hoạt động | Không hoạt động | Trống | Vàng (nhấp nháy) | Nhỏ hơn 0,3 W |
| Tắt nguồn | - | - | - | Tắt | Nhỏ hơn 0,3 W |

| Energy Star | Tiêu Thụ Điện |
|------------------|---------------|
| P _{on} | 13,5 W |
| E _{TEC} | 43,1 kWh |

OSD chỉ hoạt động trong chế độ hoạt động bình thường. Khi bất kỳ nút nào được nhấn trong chế độ tắt hoạt động, thông báo sau sẽ được hiển thị:



 **CHÚ Ý:** Thông báo này có thể hơi khác tùy theo tín hiệu đầu vào được kết nối.

 **CHÚ Ý:** Màn hình này được chứng nhận ENERGY STAR.



 **CHÚ Ý:**

P_{on}: Tiêu thụ điện của chế độ bật như quy định trong phiên bản Energy Star 7.0.

E_{TEC}: Tổng tiêu thụ điện bằng kWh như quy định trong phiên bản Energy Star 7.0.

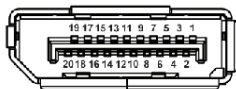
* Chỉ có thể đạt được mức tiêu thụ điện bằng không trong chế độ TẮT bằng cách rút cáp nguồn khỏi màn hình.

** Tiêu thụ điện tối đa với mức chiếu sáng tối đa và USB hoạt động.

Tài liệu này chỉ cung cấp thông tin và thể hiện hiệu suất trong phòng thí nghiệm. Sản phẩm của bạn có thể thể hiện khác, tùy thuộc vào phần mềm, linh kiện và thiết bị ngoại vi mà bạn đặt hàng và không có nghĩa vụ phải cập nhật thông tin như vậy. Theo đó, khách hàng không nên dựa vào thông tin này để đưa ra các quyết định về dung sai điện hoặc những quyết định khác. Không có bảo đảm công khai hay ngụ ý về tính chính xác hay đầy đủ.

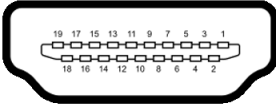
Chỉ Định Chân

Đầu nối DisplayPort



| Số Chân | Mặt 20 Chân Của Cáp Tín Hiệu Kết Nối |
|---------|--------------------------------------|
| 1 | ML3 (n) |
| 2 | GND |
| 3 | ML3 (p) |
| 4 | ML2 (n) |
| 5 | GND |
| 6 | ML2 (p) |
| 7 | ML1 (n) |
| 8 | GND |
| 9 | ML1 (p) |
| 10 | ML0 (n) |
| 11 | GND |
| 12 | ML0 (p) |
| 13 | GND |
| 14 | GND |
| 15 | AUX (p) |
| 16 | GND |
| 17 | AUX (n) |
| 18 | Phát Hiện Cắm Nóng |
| 19 | Re-PWR |
| 20 | +3,3 V DP_PWR |

Đầu nối HDMI



| Số Chân | Mặt 19 Chân Của Cáp Tín Hiệu Kết Nối |
|---------|--------------------------------------|
| 1 | DỮ LIỆU TMDS 2+ |
| 2 | LỚP CHẮN DỮ LIỆU TMDS 2 |
| 3 | DỮ LIỆU TMDS 2- |
| 4 | DỮ LIỆU TMDS 1+ |
| 5 | LỚP CHẮN DỮ LIỆU TMDS 1 |
| 6 | DỮ LIỆU TMDS 1- |
| 7 | DỮ LIỆU TMDS 0+ |
| 8 | LỚP CHẮN DỮ LIỆU TMDS 0 |
| 9 | DỮ LIỆU TMDS 0- |
| 10 | ĐỒNG HỒ TMDS+ |
| 11 | LỚP CHẮN ĐỒNG HỒ TMDS |
| 12 | ĐỒNG HỒ TMDS- |
| 13 | CEC |
| 14 | Dự trữ (N.C. trên thiết bị) |
| 15 | ĐỒNG HỒ DDC (SCL) |
| 16 | DỮ LIỆU DDC (SDA) |
| 17 | DDC/CEC Nối đất |
| 18 | +5 V NGUỒN |
| 19 | PHÁT HIỆN CẢM NÓNG |

Khả Năng Cắm và Chạy


Bạn có thể cài đặt màn hình vào bất kỳ hệ thống nào tương thích với khả năng Cắm và Chạy. Màn hình sẽ tự cung cấp cho hệ thống máy tính Dữ Liệu Nhận Biết Hiển Thị Mở Rộng (EDID) sử dụng các giao thức Kênh Dữ Liệu Hiển Thị (DDC) để hệ thống có thể tự động cấu hình và tối ưu hóa các cài đặt màn hình. Hầu hết các cài đặt màn hình là tự động; bạn có thể chọn cài đặt khác nếu muốn. Để biết thêm thông tin về việc thay đổi cài đặt màn hình, xem [Sử Dụng Màn Hình](#).

Giao Diện Cổng Kết Nối Đa Dụng (USB)

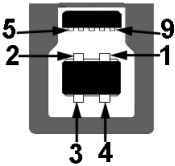
Phần này cung cấp cho bạn thông tin về các cổng USB có trên màn hình.

CHÚ Ý: Màn hình này tương thích USB 3.0 tốc độ cực nhanh.

| Tốc Độ Truyền | Tốc Độ Dữ Liệu | Tiêu Thụ Điện* |
|------------------|----------------|--------------------------|
| Tốc độ cực nhanh | 5 Gbps | 4,5 W (Tối đa, mỗi cổng) |
| Tốc độ cao | 480 Mbps | 4,5 W (Tối đa, mỗi cổng) |
| Tốc độ đầy đủ | 12 Mbps | 4,5 W (Tối đa, mỗi cổng) |

* Lên đến 2 A trên cổng USB kết nối thiết bị ngoại vi (cổng có biểu tượng pin ) với các thiết bị tuân thủ BC1.2 hoặc các thiết bị USB bình thường.

Đầu Nối Lên USB




| Số Chân | Mặt 9 Chân Của Đầu Nối |
|---------|------------------------|
| 1 | VCC |
| 2 | D- |
| 3 | D+ |
| 4 | GND |
| 5 | SSTX- |
| 6 | SSTX+ |
| 7 | GND |
| 8 | SSRX- |
| 9 | SSRX+ |

Đầu Nối Xuống USB




| Số Chân | Mặt 9 Chân Của Đầu Nối |
|---------|------------------------|
| 1 | VCC |
| 2 | D- |
| 3 | D+ |
| 4 | GND |
| 5 | SSRX- |
| 6 | SSRX+ |
| 7 | GND |
| 8 | SSTX- |
| 9 | SSTX+ |

Cổng USB

- 1 cổng kết nối máy tính - phía sau
- 2 cổng kết nối thiết bị ngoại vi - phía sau
- 2 cổng kết nối thiết bị ngoại vi - phía dưới
- Cổng nạp nguồn - cổng có biểu tượng pin ; hỗ trợ khả năng sạc điện nhanh nếu thiết bị tương thích BC 1.2.

 **CHÚ Ý:** Chức năng USB 3.0 đòi hỏi máy tính phải hỗ trợ USB 3.0.

 **CHÚ Ý:** Giao diện USB của màn hình này chỉ hoạt động khi màn hình đang Bật hoặc ở trong chế độ tiết kiệm điện. Nếu bạn Tắt màn hình và sau đó Bật lại, các thiết bị ngoại vi kèm theo có thể mất một vài giây để khôi phục chức năng bình thường.

Chính Sách Điểm Ảnh Và Chất Lượng Màn Hình LCD

Trong quá trình sản xuất màn hình LCD, đôi khi có một hoặc nhiều điểm ảnh bị cố định ở một trạng thái không thay đổi, khó có thể nhìn thấy và không ảnh hưởng đến chất lượng hiển thị hoặc khả năng sử dụng. Để biết thêm thông tin về Chính Sách Điểm Ảnh Và Chất Lượng Màn Hình Dell, xem trang web Hỗ trợ Dell tại: <http://www.dell.com/support/monitors>.

Hướng Dẫn Bảo Trì

Vệ Sinh Màn Hình

△ **THẬN TRỌNG:** Đọc và làm theo [Hướng Dẫn Về An Toàn](#) trước khi vệ sinh màn hình.



⚠ **CẢNH BÁO:** Trước khi vệ sinh màn hình, rút cáp nguồn màn hình ra khỏi ổ điện.

Để biết cách làm tốt nhất, hãy làm theo các hướng dẫn trong danh sách dưới đây trong khi mở hộp, vệ sinh hoặc xử lý màn hình của bạn:

- Để vệ sinh màn hình chống tĩnh điện của bạn, nhúng nhẹ miếng vải mềm, sạch vào nước. Nếu có thể, sử dụng vải mỏng vệ sinh màn hình đặc biệt hoặc dung dịch phù hợp với lớp phủ chống tĩnh điện. Không sử dụng benzen, chất tẩy rửa, amoniac, chất tẩy rửa mài mòn, hoặc khí nén.
- Sử dụng vải nhúng nước ấm để vệ sinh màn hình. Tránh sử dụng bất cứ chất tẩy rửa nào do một số chất tẩy rửa để lại lớp màng trên màn hình.
- Nếu bạn thấy có lớp bột trắng khi mở hộp màn hình, hãy lau bằng miếng vải.
- Thao tác cẩn thận với màn hình do màn hình màu hơi tối có thể bị trầy xước và để lại vết trầy màu trắng có màu sáng hơn màu sáng của màn hình.
- Để giúp duy trì chất lượng hình ảnh tốt nhất trên màn hình, sử dụng hình nền bảo vệ màn hình tự động thay đổi và Tắt màn hình khi không sử dụng.

Cài Đặt Màn Hình

Lắp Chân Đế

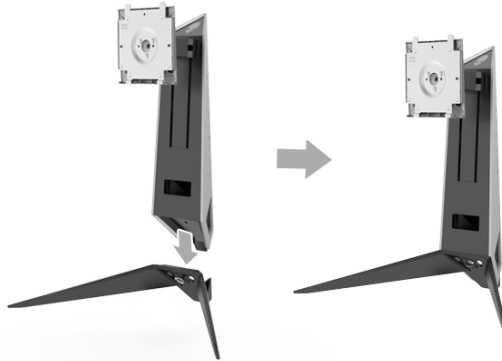
-  **CHÚ Ý:** Chân đế được tháo ra khi vận chuyển màn hình từ nhà máy.
-  **CHÚ Ý:** Việc này được áp dụng cho màn hình có chân đế. Khi mua chân đế loại khác, hãy tham khảo hướng dẫn lắp đặt chân đế tương ứng để biết hướng dẫn lắp đặt.

Để lắp chân đế màn hình:

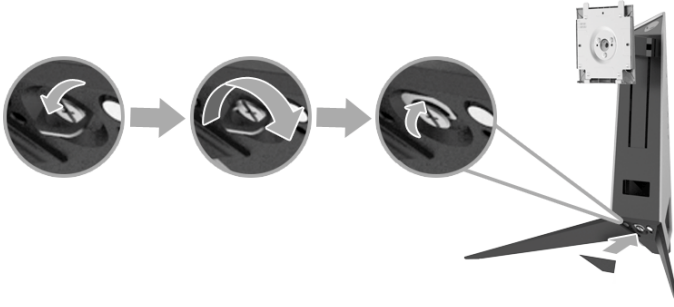
- Đặt màn hình lên miếng vải hoặc đệm mềm.



- Căn chỉnh và đặt bộ nâng chân đế lên bộ chân đế.



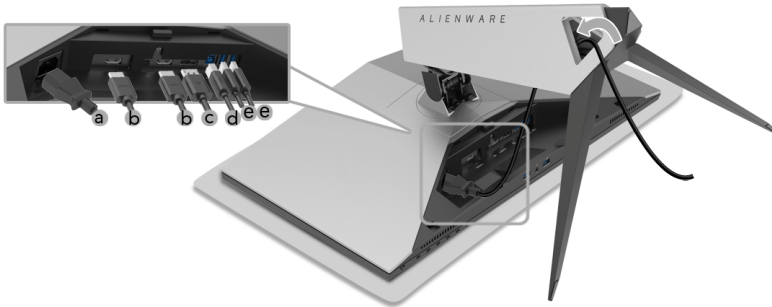
3. Mở tay cầm vít, xoay vít theo chiều kim đồng hồ để giữ chặt bộ nâng chân đế vào bộ chân đế.
4. Sau khi siết chặt vít, đóng tay cầm vít.
5. Căn chỉnh và đặt nắp vít từ vào bộ chân đế.



6. Trước các tab trên bộ chân đế vào các khe trên màn hình cho đến khi khớp vào vị trí.



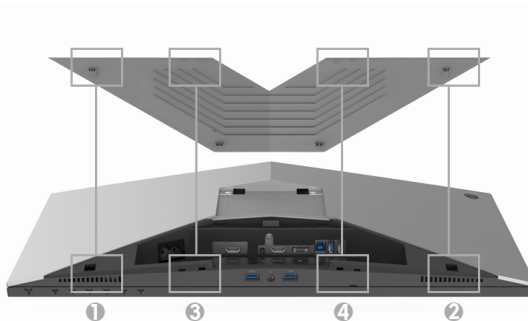
7. Sắp xếp và kết nối các cáp cần thiết vào màn hình, như minh họa.
- Cáp nguồn
 - Cáp HDMI
 - Cáp DP (tùy chọn, không bao gồm cáp)
 - Cáp USB kết nối máy tính
 - Cáp USB kết nối thiết bị ngoại vi (tùy chọn, không bao gồm cáp)



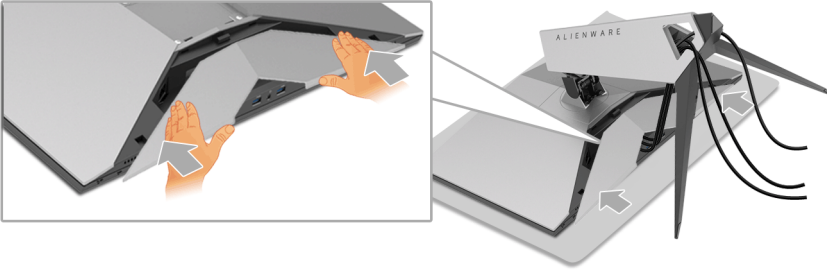
CHÚ Ý: Đi dây cáp gọn gàng để sắp xếp vừa sau khi lắp nắp cáp.

CẢNH BÁO: Không cắm nguồn hoặc bật nguồn vào màn hình sau khi được hướng dẫn để làm như vậy.

- Đảm bảo các tab trên nắp cáp được cân chỉnh với khe 1 và khe 2 ở phía sau màn hình.
- Đảm bảo các tab trên nắp cáp được cân chỉnh với khe 3 và khe 4 ở phía sau màn hình.



10. Sử dụng ngón tay cái và ngón tay của bạn ở cả hai tay như hình minh họa để trượt nắp cáp cho đến khi nó khớp vào vị trí.



CHÚ Ý: Đảm bảo cáp có thể đi qua phần đáy của nắp cáp.

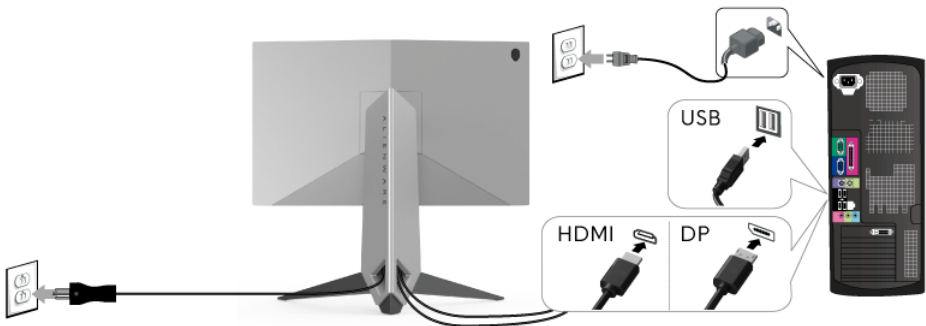
Kết nối với máy tính

CẢNH BÁO: Trước khi bắt đầu bất kỳ quy trình nào trong phần này, hãy làm theo [Hướng Dẫn Về An Toàn](#).

CHÚ Ý: Không kết nối tất cả các cáp vào máy tính cùng một lúc.

CHÚ Ý: Xem thêm [Lắp Chân Đế](#).

Để kết nối với màn hình của bạn với máy tính:



1. Kết nối đầu kia của DP được kết nối hoặc cáp HDMI vào máy tính của bạn.
2. Kết nối cổng USB 3.0 kết nối máy tính (cáp được cung cấp) với cổng USB 3.0 thích hợp trên máy tính của bạn. (Xem [Nhìn từ phía sau từ phía dưới](#) để biết chi tiết.)

3. Kết nối các thiết bị ngoại vi USB 3.0 với các cổng USB 3.0 kết nối thiết bị ngoại vi trên màn hình.
4. Cắm cáp nguồn của máy tính và màn hình vào ổ cắm ở gần.
5. Bật màn hình và máy tính.

Nếu màn hình của bạn hiển thị một hình ảnh, thì cài đặt đã hoàn tất. Nếu nó không hiển thị hình ảnh, hãy xem [Vấn Đề Cụ Thể Với Cổng Kết Nối Đa Dụng \(USB\)](#).

CHÚ Ý: Các đồ họa được sử dụng chỉ cho mục đích minh họa. Giao diện của các máy tính có thể thay đổi.

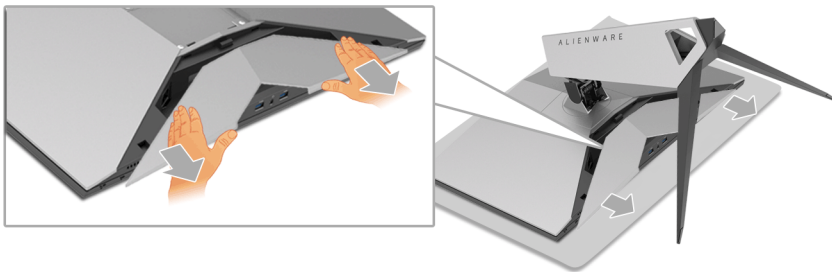
Tháo Chân Đế Màn Hình

CHÚ Ý: Để ngăn ngừa xước màn hình LCD khi tháo chân đế, đảm bảo phải đặt màn hình trên bề mặt sạch, mềm.

CHÚ Ý: Việc này được áp dụng cho màn hình có chân đế. Khi mua chân đế loại khác, hãy tham khảo hướng dẫn lắp đặt chân đế tương ứng để biết hướng dẫn lắp đặt.

Để tháo chân đế:

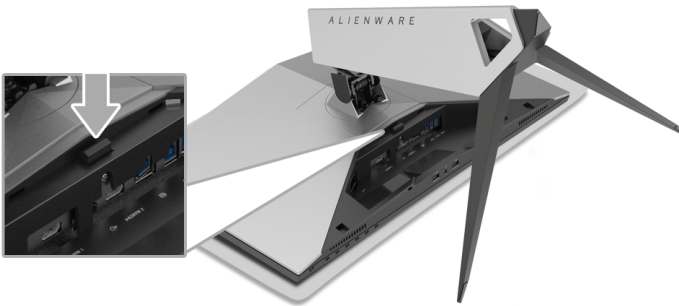
1. Tắt màn hình.
2. Ngắt kết nối cáp khởi máy tính.
3. Đặt màn hình lên miếng vải hoặc đệm mềm.
4. Nhấn nhẹ lên nắp cáp để trượt nó ra khỏi màn hình.



5. Ngắt kết nối cáp khỏi màn hình.



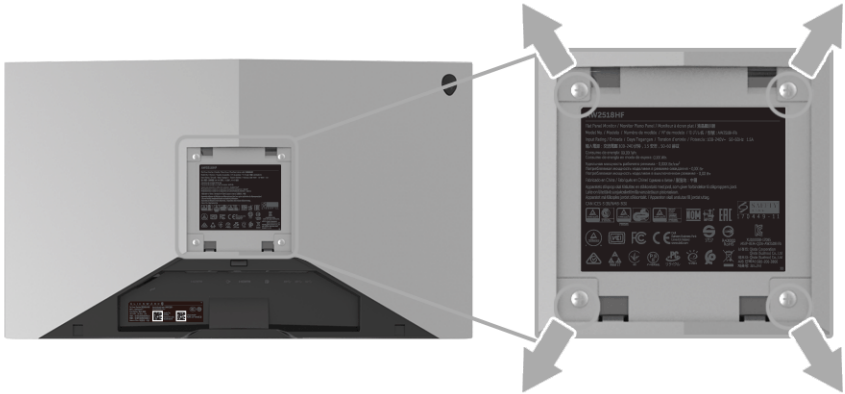
6. Nhấn và giữ nút nhả chân đế.



7. Nhấc chân đế ra khỏi màn hình.



Giá Đỡ Treo Tường (Tùy Chọn)



(Kích thước vít: M4 x 10 mm).

Tham khảo hướng dẫn đi kèm với bộ treo tường tương thích VESA.

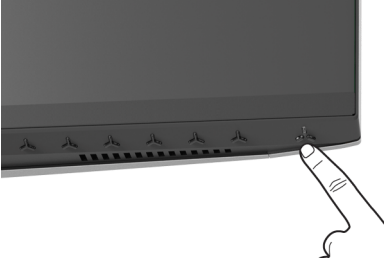
1. Đặt khung màn hình lên miếng vải hoặc đệm mềm trên bề mặt phẳng và chắc chắn.
2. Tháo chân đế.
3. Sử dụng một tuốc nơ vít Phillips đầu tròn để tháo bốn vít bảo vệ nắp nhựa.
4. Lắp giá treo tường của bộ giá đỡ treo tường vào màn hình.
5. Lắp màn hình lên tường bằng cách làm theo các hướng dẫn đi kèm với bộ giá đỡ treo tường.

CHÚ Ý: Chỉ sử dụng với giá treo tường có trong danh sách UL, có khả năng chịu trọng lượng/tải tối thiểu 13,52 kg.

Sử Dụng Màn Hình

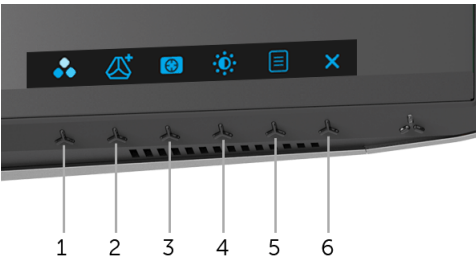
Bật Nguồn Màn Hình

Nhấn nút Nguồn để bật màn hình.









Sử Dụng Điều Khiển Trên Bảng Điều Khiển Trước

Sử dụng các nút điều khiển ở phía trước màn hình để điều chỉnh cài đặt hình ảnh.



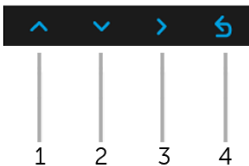
Bảng dưới đây mô tả các nút ở bảng điều khiển trước:



| Nút Bảng Điều Khiển Phía Trước | Mô tả |
|---|---|
| 1  Phím tắt/Preset Modes (Chế Độ Cài Đặt Trước) | Sử dụng nút này để lựa chọn từ một danh sách các chế độ màu cài đặt trước. |
| 2  Phím tắt/Game Enhance Mode (Chế độ Tăng cường Trò chơi) | Sử dụng nút này để khởi chạy menu Game Enhance Mode (Chế độ Tăng cường Trò chơi) . |


| | | |
|---|---|---|
| 3 |  Phím tắt/ Dark Stabilizer (Bộ ổn định cảnh tối) | Sử dụng nút này để khởi chạy menu Dark Stabilizer (Bộ ổn định cảnh tối) . |
| 4 |  Phím tắt/ Brightness/ Contrast (Độ sáng/ Độ tương phản) | Sử dụng nút này để truy cập trực tiếp menu Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản) . |
| 5 |  Menu | Sử dụng nút MENU để khởi chạy Hiển thị trên màn hình (OSD). Xem Truy Cập Hệ Thống Menu . |
| 6 |  Thoát | Sử dụng nút này để thoát menu chính OSD. |


Nút Bảng Điều Khiển Phía Trước

Sử dụng các nút trên mặt trước của màn hình để điều chỉnh các cài đặt hình ảnh.




| Nút Bảng Điều Khiển Phía Trước | Mô tả |
|--|---|
| 1  Lên | Sử dụng nút Lên để điều chỉnh (tăng phạm vi) các mục trong menu OSD. |
| 2  Xuống | Sử dụng nút Xuống để điều chỉnh (giảm phạm vi) các mục trong menu OSD. |

3  Nhấp vào nút **Chọn** để xác nhận lựa chọn.
Chọn

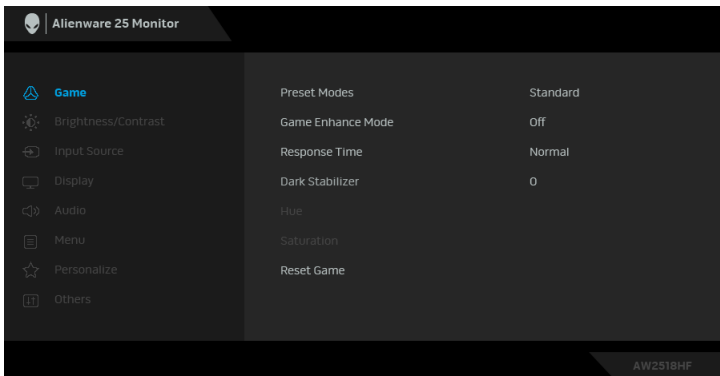
4  Sử dụng nút **Quay lại** để trở lại menu trước.
Quay lại



Sử Dụng Menu Hiển Thị Trên Màn Hình (OSD)

Truy Cập Hệ Thống Menu



 **CHÚ Ý:** Nếu bạn thay đổi các cài đặt và sau đó tiến tới menu khác hoặc thoát menu OSD, màn hình sẽ tự động lưu những thay đổi đó. Những thay đổi cũng được lưu nếu bạn thay đổi các cài đặt và sau đó chờ cho menu OSD biến mất.


1. Nhấn nút  để khởi chạy menu OSD và hiển thị menu chính.



2. Nhấn nút  và  để di chuyển giữa các tùy chọn cài đặt. Khi bạn di chuyển từ biểu tượng này sang biểu tượng khác, tên tùy chọn được đánh dấu nổi bật. Xem bảng dưới đây về danh sách đầy đủ của tất cả các tùy chọn có sẵn cho màn hình.

3. Nhấn nút  một lần để kích hoạt tùy chọn được đánh dấu nổi bật.

4. Nhấn nút  và  để chọn thông số mong muốn.

5. Nhấn  để vào menu phụ và sau đó sử dụng các nút định hướng, theo các chỉ báo trên menu, để thực hiện thay đổi.

6. Chọn nút  để quay trở lại menu chính.

Biểu tượng

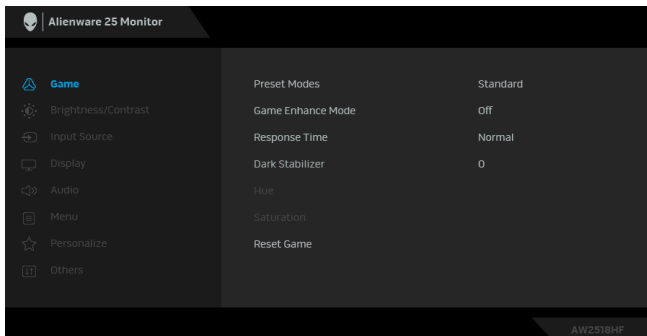
Menu và Menu phụ

Mô tả



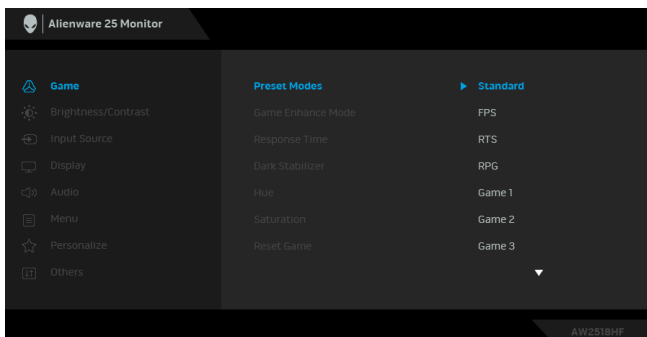
Game (Trò chơi)

Sử dụng menu này để cá nhân hóa trải nghiệm chơi trực quan của bạn.



Preset Modes (Chế Độ Cài Đặt Trước)

Cho phép bạn chọn từ một danh sách các chế độ màu cài đặt trước.





- **Standard (Tiêu Chuẩn):** Tải cài đặt màu mặc định của màn hình. Đây là chế độ cài đặt trước mặc định.
- **FPS:** Tải cài đặt màu hữu ích cho các game Bắn súng góc nhìn thứ nhất.
- **RTS:** Tải cài đặt màu hữu ích cho các game chiến lược thời gian thực.

-
- Preset Modes (Chế Độ Cài Đặt Trước)**
- **RPG:** Tải cài đặt màu hữu ích cho các game nhập vai.
 - **Game 1 (Trò chơi 1)/Game 2 (Trò chơi 2)/Game 3 (Trò chơi 3):** Cho phép bạn tùy chỉnh cài đặt màu cho nhu cầu chơi game.
 - **ComfortView:** Giảm mức ánh sáng xanh phát ra từ màn hình để xem thoải mái hơn cho đôi mắt của bạn.

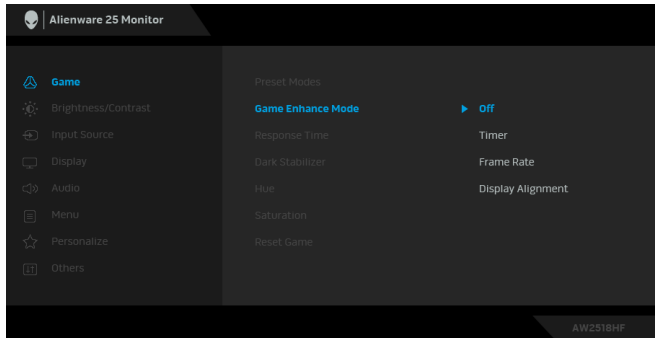
CẢNH BÁO: Hiệu ứng lâu dài có thể có của tia sáng xanh từ màn hình có thể gây thương tích cá nhân như làm mờ, mỏi mắt do kỹ thuật số và làm hại cho mắt. Sử dụng màn hình trong thời gian dài có thể gây đau ở các bộ phận cơ thể như cổ, tay, lưng và vai.

Để giảm nguy cơ mỏi mắt và đau cổ/tay/lưng/vai từ việc sử dụng màn hình trong thời gian dài, bạn nên:

1. Giữ khoảng cách 20 inch đến 28 inch (50 cm - 70 cm) từ mắt đến màn hình.
 2. Thường xuyên chớp mắt để làm ẩm mắt hoặc làm ướt mắt bằng nước sau khi sử dụng màn hình trong thời gian dài.
 3. Nghỉ giải lao thường xuyên và đều đặn 20 phút mỗi hai giờ.
 4. Rời mắt khỏi màn hình và nhìn vào vật thể ở xa ở khoảng cách 20 feet trong ít nhất 20 giây trong giờ nghỉ giải lao.
 5. Thực hiện duỗi thẳng tay chân để làm giảm căng thẳng ở cổ, tay, lưng và vai trong giờ giải lao.
- **Warm (Ấm):** Tăng nhiệt độ màu. Màn hình có vẻ ấm hơn với sắc màu đỏ/vàng.
 - **Cool (Mát):** Giảm nhiệt độ màu. Màn hình có vẻ mát hơn với sắc màu xanh.
 - **Custom Color (Màu Tùy Chỉnh):** Cho phép bạn tự điều chỉnh các cài đặt màu. Nhấn nút  và  để điều chỉnh ba giá trị màu (R, G, B) và tạo ra tùy chỉnh màu cài đặt trước của riêng bạn.
-

Game Enhance Mode (Chế độ Tăng cường Trò chơi)

Tính năng này cung cấp ba chức năng để nâng cao trải nghiệm chơi game của bạn.



- **Off (Tắt)**

Chọn để vô hiệu hóa các chức năng trong phần **Game Enhance Mode (Chế độ Tăng cường Trò chơi)**.

- **Timer (Hẹn giờ)**

Cho phép bạn tắt hoặc bật đồng hồ ở góc trên bên trái của màn hình. Đồng hồ cho biết thời gian trôi qua kể từ khi trò chơi bắt đầu. Chọn một tùy chọn từ danh sách khoảng thời gian để đo tốc độ trò chơi mục tiêu của bạn.

- **Frame Rate (Tốc Độ Khung Hình)**

Chọn **On (Bật)** cho phép bạn hiển thị khung hình hiện tại mỗi giây khi chơi trò chơi. Tốc độ càng cao thì chuyển động càng mượt.

- **Display Alignment (Cân Chỉnh Màn Hình)**

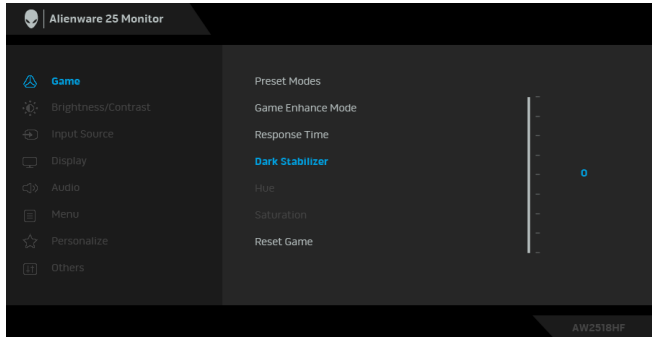
Kích hoạt chức năng này để cân chỉnh tốt nội dung video từ nhiều màn hình hiển thị.

Response Time (Thời Gian Phản Hồi)



Cho phép bạn đặt **Response Time (Thời Gian Phản Hồi)** sang **Normal (Bình thường)**, **Fast (Nhanh)** hoặc **Super Fast (Siêu nhanh)**.


Dark Stabilizer
(Bộ ổn định
cảnh tối)


Tính năng này nâng cao khả năng hiển thị trong các cảnh chơi game tối. Giá trị càng cao (từ 0 đến 3), thì khả năng hiển thị càng tốt hơn ở vùng tối của hình ảnh hiển thị.



Hue (Màu sắc)



Tính năng này có thể thay đổi màu của hình ảnh video sang màu xanh lá cây hoặc màu tím. Được sử dụng để điều chỉnh tông màu nhẹ nhàng theo mong muốn. Sử dụng  hoặc  để điều chỉnh mức màu sắc từ 0 tới 100.


Sử dụng  để tăng màu xanh lá của hình ảnh video.


Sử dụng  để tăng màu tím của hình ảnh video.

CHÚ Ý: Hue (Màu sắc) chỉ có khi bạn chọn chế độ cài đặt trước **FPS**, **RTS**, hoặc **RPG**.

Saturation
(Độ bão hòa)

Tính năng này có thể điều chỉnh độ bão hòa màu của hình ảnh video. Sử dụng  hoặc  để điều chỉnh mức độ bão hòa từ 0 tới 100.

Sử dụng  để tăng màu sắc của hình ảnh video.

Sử dụng  để tăng màu đơn sắc của hình ảnh video.

CHÚ Ý: Saturation (Độ bão hòa) chỉ có khi bạn chọn chế độ cài đặt trước **FPS**, **RTS**, hoặc **RPG**.

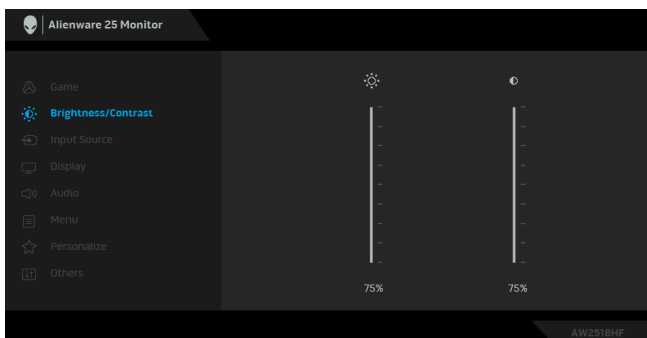
Reset Game
(Cài Đặt Lại
Trò Chơi)

Chọn tùy chọn này để khôi phục lại các cài đặt trò chơi mặc định.





Brightness/ Contrast (Độ sáng/ Độ tương phản)

Sử dụng menu này để kích hoạt điều chỉnh **Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản)**.





Brightness (Độ sáng)

Brightness (Độ sáng) điều chỉnh độ sáng của đèn nền.

Nhấn nút  để tăng độ sáng và nhấn nút  để giảm độ sáng (tối thiểu 0 / tối đa 100).

Contrast (Độ tương phản)

Trước tiên, điều chỉnh **Brightness (Độ sáng)**, sau đó điều chỉnh **Contrast (Độ tương phản)** chỉ khi cần điều chỉnh thêm.

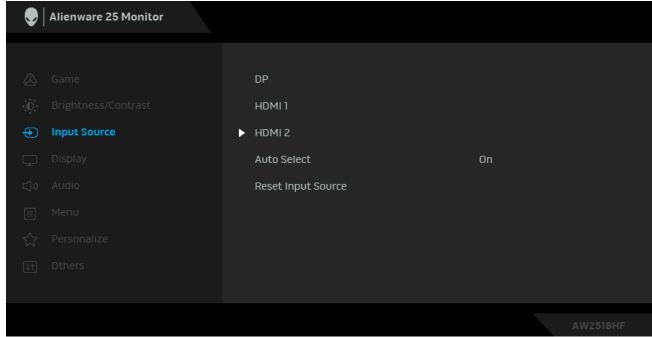
Nhấn nút  để tăng độ tương phản và nhấn nút  để giảm độ tương phản (tối thiểu 0 / tối đa 100).

Chức năng **Contrast (Độ tương phản)** điều chỉnh mức độ khác nhau giữa độ tối và độ sáng trên màn hình.



Input Source (Nguồn Đầu Vào)

Sử dụng menu **Input Source (Nguồn Đầu Vào)** để chọn giữa các tín hiệu video khác nhau có thể được kết nối với màn hình của bạn.

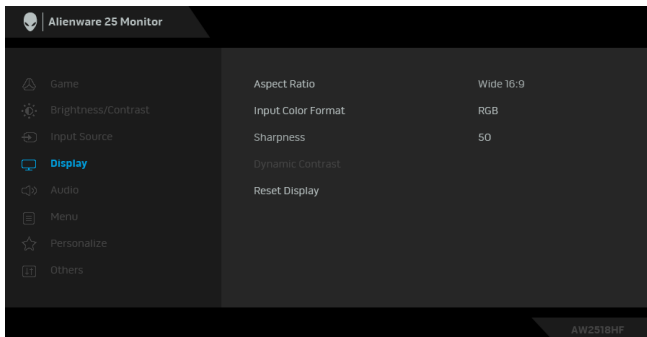


| | |
|---|---|
| DP | Chọn đầu vào DP khi bạn sử dụng đầu nối DP. |
| HDMI 1 HDMI 2 | Chọn đầu vào HDMI 1 hoặc HDMI 2 khi bạn sử dụng đầu nối HDMI. |
| Auto Select (Chọn Tự Động) | Bật chức năng này sẽ cho phép bạn quét tìm các nguồn đầu vào có sẵn. |
| Reset Input Source (Đặt Lại Nguồn Đầu Vào) | Đặt lại cài đặt đầu vào của màn hình của bạn về cài đặt gốc. |



Display (Hiển Thị)

Sử dụng **Display (Hiển Thị)** để điều chỉnh ảnh.



Aspect Ratio (Tỷ Lệ Khung Hình) Điều chỉnh tỷ lệ hình ảnh sang **Wide 16:9 (Rộng 16:9)**, **Auto Resize (Kích Cỡ Tự Động)**, **4:3**, hoặc **1:1**.

Input Color Format (Định Dạng Màu Đầu Vào) Cho phép bạn thiết lập chế độ đầu vào video sang:
RGB: Chọn tùy chọn này nếu màn hình của bạn được kết nối với máy tính (hoặc đầu DVD) bằng cáp DP hoặc HDMI.
YPbPr: Chọn tùy chọn này nếu trình phát DVD của bạn chỉ hỗ trợ đầu ra YPbPr.

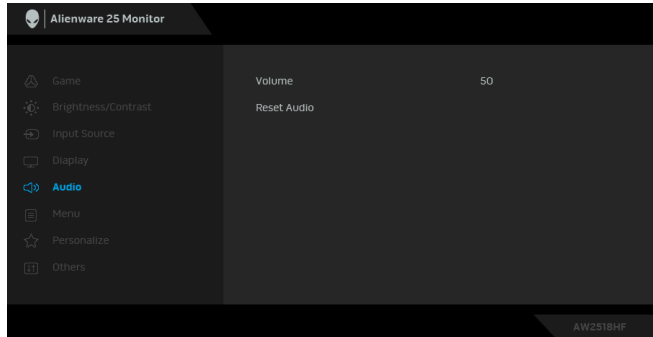
Sharpness (Độ Nét) Tính năng này có thể làm cho hình ảnh trông sắc nét hơn hoặc mềm hơn. Sử dụng hoặc để điều chỉnh mức sắc nét từ 0 tới 100.

Dynamic Contrast (Độ Tương Phản Động) Cho phép bạn tăng mức tương phản để ảnh có chất lượng chi tiết hơn và sắc nét hơn.
Nhấn nút để chọn **Dynamic Contrast (Độ Tương Phản Động) "On" (Bật)** hoặc **"Off" (Tắt)**.
CHÚ Ý: Dynamic Contrast (Độ Tương Phản Động) cung cấp tương phản cao hơn nếu bạn chọn các chế độ cài đặt sẵn này: **FPS**, **RTS**, **RPG**, **Game 1 (Trò chơi 1)**, **Game 2 (Trò chơi 2)**, và **Game 3 (Trò chơi 3)**.

Reset Display (Cài Đặt Lại Hiển Thị) Chọn tùy chọn này để khôi phục lại các cài đặt hiển thị mặc định.



Audio (Âm thanh)



Volume (Âm lượng)

Cho phép bạn đặt mức âm lượng đầu ra tai nghe.

Sử dụng hoặc để điều chỉnh mức âm lượng từ 0 tới 100.

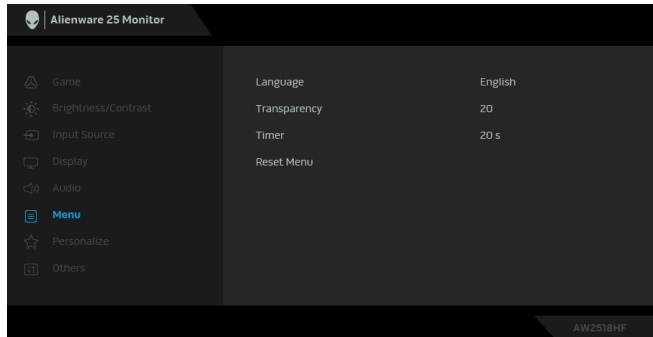
Reset Audio (Đặt lại âm thanh)

Chọn tùy chọn này để khôi phục lại các cài đặt âm thanh mặc định.



Menu

Chọn tùy chọn này để điều chỉnh các cài đặt của OSD, chẳng hạn như, các ngôn ngữ của OSD, số thời gian menu vẫn còn trên màn hình, và vân vân.



Language (Ngôn ngữ)



Đặt màn hình hiển thị OSD về một trong tám ngôn ngữ (Tiếng Anh, tiếng Tây Ban Nha, Pháp, Đức, Bồ Đào Nha gốc Braxin, Nga, Tiếng Trung Quốc giản thể, hay Nhật Bản).

Transparency (Độ trong suốt)

Chọn tùy chọn này để thay đổi độ trong suốt của menu bằng cách nhấn các nút và (tối thiểu 0/tối đa 100).

**Timer
(Hẹn giờ)**

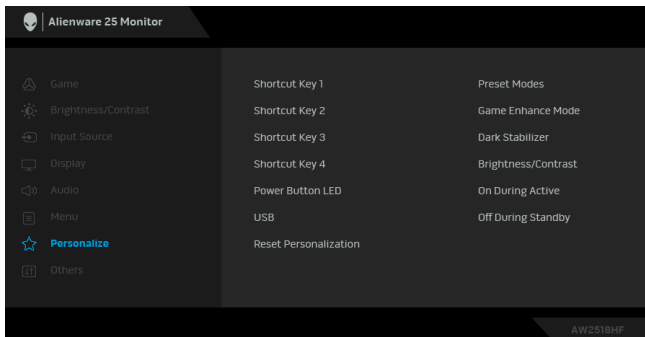
Đặt độ dài thời gian OSD sẽ vẫn hoạt động sau khi bạn nhấn nút lần cuối.

Sử dụng  hoặc  để điều chỉnh thanh trượt với mức tăng là 1 giây, từ 5 đến 60 giây.

**Reset Menu
(Đặt Lại Menu)**

Đặt lại cả các cài đặt OSD về giá trị cài đặt trước của nhà máy.



**Personalize
(Cá nhân hóa)**

Shortcut Key 1 (Phím tắt 1) Cho phép bạn chọn một tính năng từ **Preset Modes (Chế Độ Cài Đặt Trước)**, **Game Enhance Mode (Chế độ Tăng cường Trò chơi)**, **Dark Stabilizer (Bộ ổn định cảnh tối)**,

Shortcut Key 2 (Phím tắt 2) **Brightness/Contrast (Độ sáng/Độ tương phản)**, **Input Source (Nguồn Đầu Vào)**, **Aspect Ratio (Tỷ Lệ Khung Hình)**, hoặc **Volume (Âm lượng)** và đặt nó làm phím tắt.

Shortcut Key 3 (Phím tắt 3)

Shortcut Key 4 (Phím tắt 4)

Power Button LED (Đèn LED Nút Nguồn) Cho phép bạn đặt Bật hoặc Tắt đèn LED nguồn để tiết kiệm năng lượng.

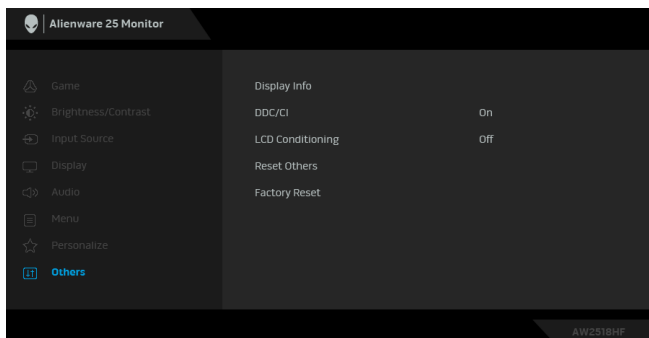
USB Cho phép bạn bật hoặc tắt chức năng USB trong chế độ chờ màn hình.

CHÚ Ý: BẬT/TẮT USB trong chế độ chờ chỉ có sẵn khi cáp USB kết nối máy tính được rút. Tùy chọn này sẽ có màu xám khi cáp USB kết nối máy tính được cắm vào.

Reset Personalization (Đặt lại Cá nhân hóa) Đặt lại tất cả các cài đặt dưới menu **Personalize (Cá nhân hóa)** về giá trị cài đặt trước của nhà máy.



Others (Khác)



Display Info (Thông tin hiển thị)

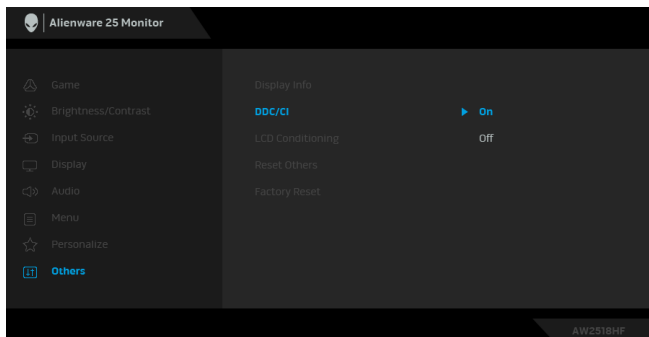
Hiển thị cài đặt hiện tại của màn hình.

DDC/CI

DDC/CI (Kênh Dữ Liệu Hiển Thị/Giao Diện Lệnh) cho phép bạn giám sát các thông số màn hình (độ sáng, cân bằng màu, và vv) có thể được điều chỉnh qua phần mềm trên máy tính của bạn.

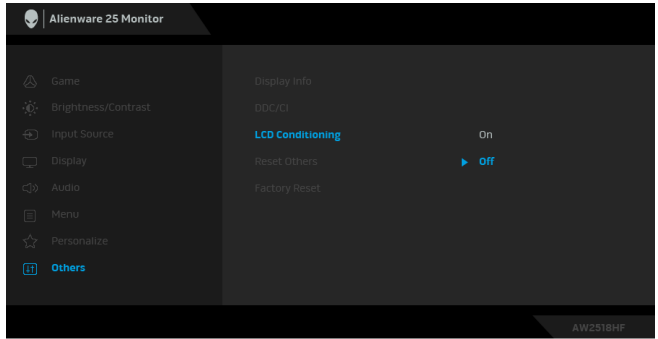
Bạn có thể vô hiệu tính năng này bằng cách chọn **Off (Tắt)**.

Bật tính năng này để có trải nghiệm người dùng tốt nhất và có hiệu suất tối ưu cho màn hình của bạn.



**LCD
Conditioning
(Điều Tiết LCD)**

Giúp giảm bớt hiện tượng lưu ảnh. Tùy thuộc vào mức độ của hiện tượng lưu ảnh, chương trình có thể mất một lúc để chạy. Bạn có thể bật tính năng này bằng cách chọn **On (Bật)**.

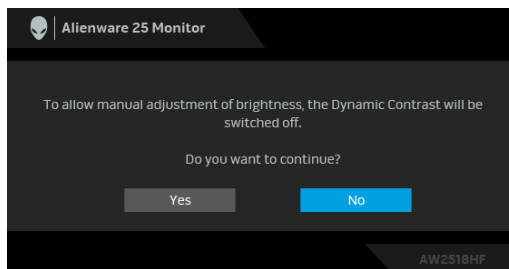


Reset Others (Đặt lại khác) Đặt lại tất cả các cài đặt bên dưới menu **Others (Khác)** về giá trị cài đặt trước của nhà máy.

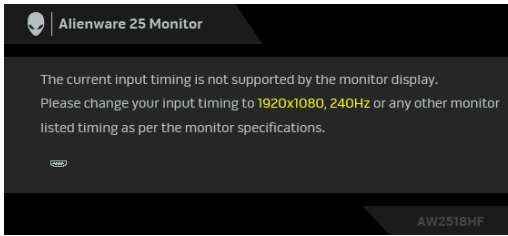
Factory Reset (Khôi Phục Cài Đặt Gốc) Đặt lại cả các cài đặt về giá trị cài đặt trước của nhà máy.

Thông Báo Cảnh Báo OSD

Khi tính năng **Dynamic Contrast (Độ Tương Phản Động)** được bật (trong các chế độ cài đặt trước này: **FPS, RTS, RPG, Game 1 (Trò chơi 1), Game 2 (Trò chơi 2),** hoặc **Game 3 (Trò chơi 3)**), điều chỉnh độ sáng bằng tay bị tắt.

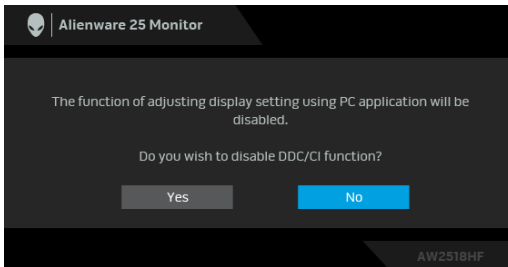


Khi màn hình không hỗ trợ chế độ độ phân giải cụ thể nào đó, bạn sẽ thấy có thông báo sau:

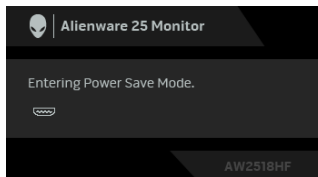


CHÚ Ý: Thông báo này có thể hơi khác tùy theo tín hiệu đầu vào được kết nối.

Điều này có nghĩa là màn hình không thể đồng bộ với các tín hiệu mà nó nhận được từ máy tính. Xem [Thông Số Màn Hình](#) để biết phạm vi tần số ngang và dọc mà màn hình này có thể xử lý được. Chế độ khuyến dùng là 1920 x 1080. Bạn sẽ thấy thông báo sau trước khi chức năng **DDC/CI** bị tắt:



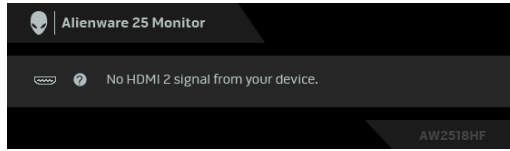
Khi màn hình vào chế độ **Power Save (Tiết Kiệm Điện)**, thông báo sau sẽ xuất hiện:



Bật máy tính và đánh thức màn hình để truy cập vào [Sử Dụng Menu Hiển Thị Trên Màn Hình \(OSD\)](#).

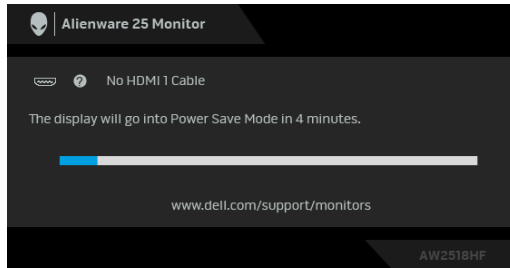
CHÚ Ý: Thông báo này có thể hơi khác tùy theo tín hiệu đầu vào được kết nối.

Nếu bạn nhấn bất kỳ nút nào ngoại trừ nút nguồn, thông báo sau sẽ xuất hiện tùy thuộc vào đầu vào được chọn:



CHÚ Ý: Thông báo này có thể hơi khác tùy theo tín hiệu đầu vào được kết nối.

Nếu đầu vào HDMI hoặc DP được chọn và cáp tương ứng không được kết nối, một hộp thoại nổi như hình dưới đây sẽ xuất hiện.



CHÚ Ý: Thông báo này có thể hơi khác tùy theo tín hiệu đầu vào được kết nối.

Xem [Xử lý sự cố](#) để biết thêm thông tin.

Cài Đặt Độ Phân Giải Tối Đa

Để đặt độ phân giải tối đa cho màn hình:

Trong Windows[®] 7, Windows[®] 8, và Windows[®] 8.1:

1. Chỉ với Windows[®] 8 và Windows[®] 8.1, chọn ô Màn hình nền để chuyển sang màn hình nền cổ điển.
2. Nhấp chuột phải vào màn hình nền, nhấp **Độ Phân Giải Màn Hình**.
3. Nhấp vào danh sách Thả Xuống của Độ Phân Giải Màn Hình và chọn **1920 x 1080**.
4. Nhấp vào **OK**.

Trong Windows[®] 10:

1. Nhấp chuột phải vào màn hình nền, nhấp **Thiết đặt màn hình**.
2. Nhấp vào **Thiết đặt hiển thị nâng cao**.
3. Nhấp vào danh sách của **Độ phân giải** và chọn **1920 x 1080**.

4. Nhấp vào **Áp dụng**.

Nếu bạn không nhìn thấy tùy chọn 1920 x 1080, bạn có thể cần phải cập nhật trình điều khiển đồ họa của bạn. Tùy thuộc vào máy tính của bạn, hãy hoàn thành một trong các bước sau đây:

Nếu bạn có máy tính để bàn hoặc máy tính xách tay Dell:

- Truy cập vào <http://www.dell.com/support>, nhập thẻ dịch vụ, và tải về trình điều khiển mới nhất cho các đồ họa của bạn.

Nếu máy tính của bạn không phải là máy Dell (di động hoặc để bàn):

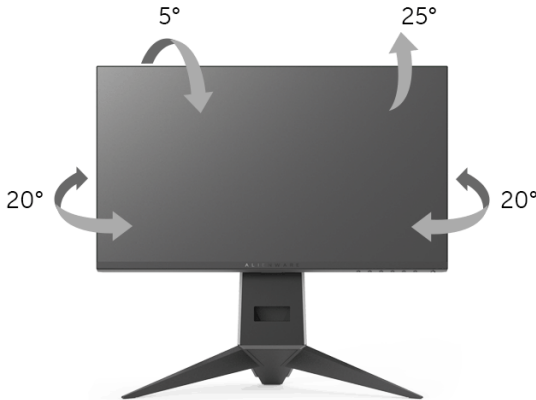
- Đi đến trang web hỗ trợ cho máy tính của bạn và tải về các trình điều khiển đồ họa mới nhất.
- Đi đến trang web các đồ họa của bạn và tải về các trình điều khiển đồ họa mới nhất.

Sử dụng Nghiêng, Xoay và Kéo Thẳng

CHÚ Ý: Việc này được áp dụng cho màn hình có chân đế. Khi mua chân đế loại khác, hãy tham khảo hướng dẫn lắp đặt chân đế tương ứng để biết hướng dẫn lắp đặt.

Nghiêng, Xoay

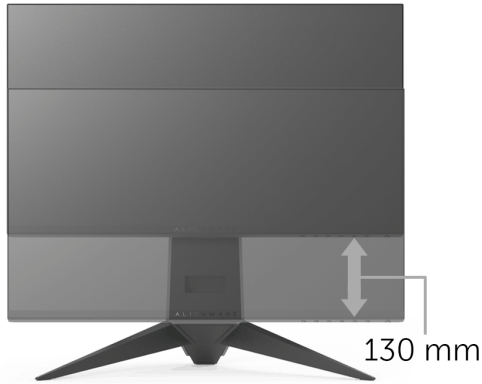
Với chân đế được lắp vào màn hình, bạn có thể nghiêng và xoay màn hình để có góc nhìn thoải mái nhất.



CHÚ Ý: Chân đế được tháo ra khi vận chuyển màn hình từ nhà máy.

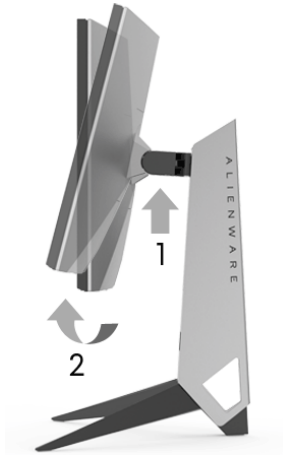
Kéo Thẳng

CHÚ Ý: Chân đế kéo thẳng đến 130 mm. Hình dưới đây minh họa cách kéo thẳng chân đế.



Xoay màn hình

Trước khi xoay màn hình, phải kéo thẳng màn hình hoàn toàn (**Kéo Thẳng**) và nghiêng hoàn toàn để tránh va vào cạnh dưới của màn hình.




Xoay theo chiều kim đồng hồ



Xoay ngược chiều kim đồng hồ




 **CHÚ Ý:** Để sử dụng chức năng Xoay Hiển Thị (giao diện Phong cảnh ngược với Chân dung) với máy tính Dell, bạn cần có trình điều khiển đồ họa cập nhật không kèm theo màn hình này. Để tải về trình điều khiển đồ họa, đi đến www.dell.com/support và xem phần Tải xuống của Trình điều khiển Video để có các bản cập nhật trình điều khiển mới nhất.

 **CHÚ Ý:** Khi ở trong Chế Độ Giao Diện Chân Dung, bạn có thể gặp hiện tượng suy giảm hiệu suất trong các ứng dụng đồ họa chuyên sâu (Chơi game 3D và vv).


Điều Chỉnh Cài Đặt Hiển Thị Xoay Cho Hệ Thống Của Bạn

Sau khi bạn đã xoay màn hình, cần phải hoàn thành các bước dưới đây để điều chỉnh Cài Đặt Hiển Thị Xoay cho hệ thống của bạn.

 **CHÚ Ý:** Nếu bạn đang sử dụng màn hình với máy tính không phải là máy Dell, thì bạn cần phải đi đến trang web trình điều khiển đồ họa hoặc trang web của nhà sản xuất máy tính của bạn để biết thông tin về việc xoay 'nội dung' trên màn hình của bạn.

Để điều chỉnh Cài Đặt Hiển Thị Xoay:

1. Nhấp chuột phải vào màn hình nền, nhấp **Thuộc tính**.
2. Chọn tab **Thiết đặt** và nhấp vào **Chuyên sâu**.
3. Nếu bạn có các đồ họa ATI, chọn tab **Xoay** và đặt kiểu xoay ưa thích.
4. Nếu bạn có các đồ họa nVidia, nhấp vào tab **nVidia**, ở cột tay trái, chọn **NVRotate**, sau đó chọn kiểu xoay ưa thích.
5. Nếu bạn có các đồ họa Intel[®], chọn tab đồ họa **Intel**, nhấp vào **Thuộc Tính Đồ Họa**, chọn tab **Xoay**, sau đó chọn kiểu xoay ưa thích.

 **CHÚ Ý:** Nếu bạn không nhìn thấy tùy chọn xoay hoặc nó không hoạt động tốt, đi đến www.dell.com/support và tải về trình điều khiển mới nhất cho các đồ họa của bạn.

Xử lý sự cố

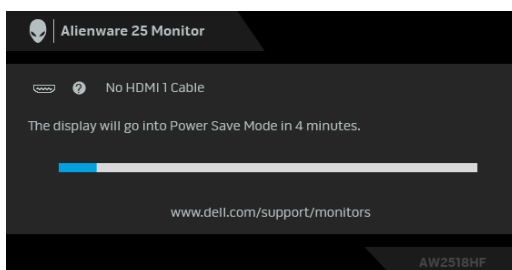
⚠ CẢNH BÁO: Trước khi bắt đầu bất kỳ quy trình nào trong phần này, hãy làm theo [Hướng Dẫn Về An Toàn](#).

Tự kiểm tra

Màn hình của bạn có tính năng tự kiểm tra cho phép bạn kiểm tra xem màn hình của bạn có hoạt động tốt hay không. Nếu màn hình và máy tính của bạn được kết nối đúng cách nhưng màn hình vẫn tối, chạy tự kiểm tra màn hình bằng cách thực hiện các bước sau:

1. Tắt cả máy tính và màn hình.
2. Ngắt kết nối cáp video khỏi phía sau máy tính.
3. Bật màn hình.

Hộp thoại nổi sẽ xuất hiện trên màn hình (trên nền đen), nếu màn hình không nhận biết được tín hiệu video và đang hoạt động tốt. Trong khi ở chế độ tự kiểm tra, đèn LED nguồn vẫn có màu xanh. Ngoài ra, tùy thuộc vào đầu vào được chọn, hộp thoại được hiển thị dưới đây sẽ tiếp tục cuộn qua màn hình.



✍ CHÚ Ý: Thông báo này có thể hơi khác tùy theo tín hiệu đầu vào được kết nối.

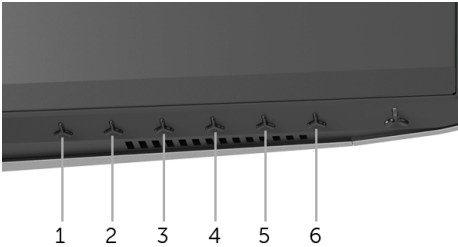
4. Hộp này cũng xuất hiện trong khi hệ thống hoạt động bình thường, nếu cáp video bị ngắt kết nối hoặc bị hỏng.
5. Tắt màn hình của bạn và kết nối lại cáp video; sau đó bật cả máy tính và màn hình.

Nếu màn hình của bạn vẫn trống sau khi đã sử dụng các bước trước đó, hãy kiểm tra bộ điều khiển video và máy tính, do màn hình của bạn vẫn hoạt động tốt.

Chẩn đoán tích hợp

Màn hình của bạn có công cụ chẩn đoán tích hợp giúp xác định sự bất thường của màn hình bạn đang gặp phải là do vấn đề của màn hình, hoặc do máy tính và cạc video.

CHÚ Ý: Bạn có thể chạy chẩn đoán tích hợp chỉ khi cáp video được rút bỏ và màn hình đang ở chế độ tự kiểm tra.



Để chạy chẩn đoán tích hợp:

1. Đảm bảo màn hình sạch sẽ (không có bụi trên bề mặt màn hình).
2. Ngắt kết nối (các) cáp video khỏi phía sau máy tính hoặc màn hình. Khi đó màn hình sẽ vào chế độ tự kiểm tra.
3. Hãy nhấn và giữ **Nút 3** trong khoảng 5 giây. Màn hình xám sẽ xuất hiện.
4. Cẩn thận kiểm tra bất thường của màn hình.
5. Nhấn lại **Nút 3**. Màu màn hình đổi sang màu đỏ.
6. Kiểm tra bất thường của màn hình hiển thị.
7. Lặp lại bước 5 và 6 để kiểm tra màn hình hiển thị trong màn hình màu xanh lá cây, xanh dương, đen và trắng.

Việc kiểm tra hoàn tất khi màn hình trắng xuất hiện. Để thoát, nhấn lại **Nút 3**.

Nếu bạn không phát hiện bất kỳ bất thường nào ở màn hình khi sử dụng công cụ chẩn đoán tích hợp, thì màn hình vẫn hoạt động tốt. Kiểm tra các màn hình và máy tính.

Vấn Đề Thường Gặp

Bảng sau có các thông tin chung về các vấn đề bạn thường gặp phải với màn hình và các giải pháp có thể áp dụng:

| Các Triệu Chứng Thường Gặp | Vấn Đề Bạn Gặp Phải | Giải Pháp Có Thể Áp Dụng |
|---|--|--|
| Không có video/ đèn LED nguồn tắt | Không có ảnh | <ul style="list-style-type: none">• Đảm bảo cáp video nối màn hình và máy tính được nối chặt và đúng cách.• Đảm bảo ổ cắm điện hoạt động tốt bằng cách sử dụng thiết bị điện khác.• Đảm bảo nút nguồn được nhấn hết cỡ.• Đảm bảo phải chọn đúng nguồn vào qua menu Input Source (Nguồn Đầu Vào). |
| Không có video/ đèn LED nguồn bật | Không có ảnh hoặc không có độ sáng | <ul style="list-style-type: none">• Tăng điều khiển độ sáng và độ tương phản qua OSD.• Tiến hành kiểm tra tính năng tự kiểm tra màn hình.• Kiểm tra chân đầu nối cáp video xem có bị cong hoặc hỏng không.• Chạy chẩn đoán tích hợp.• Đảm bảo phải chọn đúng nguồn vào qua menu Input Source (Nguồn Đầu Vào). |
| Lấy Nét Kém | Hình ảnh bị mờ, lóa hoặc bóng mờ | <ul style="list-style-type: none">• Bỏ các cáp video nối dài.• Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.• Thay đổi độ phân giải video về đúng tỷ lệ khung hình. |
| Video bị rung/ động | Ảnh lượn sóng hoặc chuyển động nhẹ | <ul style="list-style-type: none">• Đặt lại màn hình về cài đặt gốc.• Kiểm tra các yếu tố môi trường.• Đặt lại vị trí màn hình và thử ở phòng khác. |
| Thiếu Điểm Ảnh | Màn hình LCD có các đốm | <ul style="list-style-type: none">• Tắt-bật lại nguồn.• Điểm ảnh mà bị Tắt vĩnh viễn là khiếm khuyết tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ LCD.• Để biết thêm thông tin về Chính Sách Điểm Ảnh Và Chất Lượng Màn Hình Dell, xem trang web Hỗ trợ Dell tại: http://www.dell.com/support/monitors. |

| | | |
|----------------------------------|--|--|
| Điểm ảnh bị bám | Màn hình LCD có các đốm sáng | <ul style="list-style-type: none"> Tắt-bật lại nguồn. Điểm ảnh mà bị tắt vĩnh viễn là khiếm khuyết tự nhiên có thể xảy ra trong công nghệ LCD. Để biết thêm thông tin về Chính Sách Điểm Ảnh Và Chất Lượng Màn Hình Dell, xem trang web Hỗ trợ Dell tại: http://www.dell.com/support/monitors. |
| Vấn Đề Về Độ Sáng | Ảnh mờ hoặc quá sáng | <ul style="list-style-type: none"> Đặt lại màn hình về cài đặt gốc. Điều chỉnh điều khiển độ sáng và độ tương phản qua OSD. |
| Méo Hình | Màn hình không được cân giữa chính xác | <ul style="list-style-type: none"> Đặt lại màn hình về cài đặt gốc. |
| Đường Kẻ Ngang/Đọc | Màn hình có một hoặc nhiều đường kẻ | <ul style="list-style-type: none"> Đặt lại màn hình về cài đặt gốc. Tiến hành kiểm tra tính năng tự kiểm tra màn hình và xác định xem các đường kẻ này có trong chế độ tự kiểm tra không. Kiểm tra chân đầu nối cáp video xem có bị cong hoặc hỏng không. Chạy chẩn đoán tích hợp. |
| Vấn Đề Về Đồng Bộ | Màn hình bị xô lệch hoặc có vẻ như bị rách | <ul style="list-style-type: none"> Đặt lại màn hình về cài đặt gốc. Tiến hành kiểm tra tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định xem màn hình xô lệch có xuất hiện trong chế độ tự kiểm tra không. Kiểm tra chân đầu nối cáp video xem có bị cong hoặc hỏng không. Khởi động lại máy tính trong <i>chế độ an toàn</i>. |
| Các Vấn Đề Liên Quan Đến An Toàn | Dấu hiệu có thể nhìn thấy khói hoặc lửa | <ul style="list-style-type: none"> Không thực hiện bất kỳ bước xử lý sự cố nào. Liên hệ với Dell ngay. |
| Các Vấn Đề Chập Chờn | Chập chờn khi bật và tắt màn hình | <ul style="list-style-type: none"> Đảm bảo cáp video nối màn hình và máy tính được nối chặt và đúng cách. Đặt lại màn hình về cài đặt gốc. Tiến hành kiểm tra tính năng tự kiểm tra màn hình để xác định xem các vấn đề chập chờn có xuất hiện trong chế độ tự kiểm tra không. |
| Thiếu Màu | Ảnh thị thiếu màu | <ul style="list-style-type: none"> Tiến hành kiểm tra tính năng tự kiểm tra màn hình. Đảm bảo cáp video nối màn hình và máy tính được nối chặt và đúng cách. Kiểm tra chân đầu nối cáp video xem có bị cong hoặc hỏng không. |

| | | |
|---|--|--|
| Sai Màu | Màu ảnh không tốt | <ul style="list-style-type: none"> Thay đổi cài đặt của Preset Modes (Chế Độ Cài Đặt Trước) trong OSD menu Game (Trò chơi) tùy thuộc vào ứng dụng. Điều chỉnh giá trị R/G/B trong Custom Color (Màu Tùy Chỉnh) trong OSD menu Game (Trò chơi). Chạy chẩn đoán tích hợp. |
| Lưu ảnh từ ảnh tĩnh còn lại trên màn hình trong một thời gian dài | Bóng mờ từ ảnh tĩnh hiển thị xuất hiện trên màn hình | <ul style="list-style-type: none"> Luôn sử dụng tính năng Quản Lý Điện để tắt màn hình khi không sử dụng (để biết thêm thông tin, xem Chế Độ Quản Lý Điện). Ngoài ra, sử dụng bộ bảo vệ màn hình tự động thay đổi. |

Vấn Đề Cụ Thể Theo Sản Phẩm


| Triệu Chứng Cụ Thể | Vấn Đề Bạn Gặp Phải | Giải Pháp Có Thể Áp Dụng |
|---|---|--|
| Hình ảnh màn hình quá nhỏ | Hình ảnh được căn giữa vào màn hình, nhưng không phủ khắp khu vực xem | <ul style="list-style-type: none"> Đặt lại màn hình về cài đặt gốc. |
| Không thể điều chỉnh màn hình với các nút trên bảng điều khiển phía trước | OSD không xuất hiện trên màn hình | <ul style="list-style-type: none"> Tắt màn hình, rút dây nguồn, cắm lại, rồi bật lại màn hình. |
| Không có Tín Hiệu Vào khi nhấn các điều khiển người dùng | Không có hình ảnh, đèn LED sáng xanh | <ul style="list-style-type: none"> Kiểm tra nguồn tín hiệu. Đảm bảo máy tính không ở chế độ tiết kiệm điện năng bằng cách di chuyển chuột hoặc nhấn phím bất kỳ trên bàn phím. Kiểm tra xem cáp tín hiệu có được cắm đúng không. Cắm lại cáp tín hiệu nếu cần. Khởi động lại máy tính hoặc đầu video. |
| Hình ảnh không lấp đầy toàn bộ màn hình | Hình ảnh không lấp đầy chiều cao hoặc chiều rộng của màn hình | <ul style="list-style-type: none"> Do các định dạng video khác nhau (tỷ lệ khung hình) của đĩa DVD, màn hình có thể hiển thị toàn màn hình. Chạy chẩn đoán tích hợp. |

Vấn Đề Cụ Thể Với Cổng Kết Nối Đa Dụng (USB)

| Triệu Chứng Cụ Thể | Vấn Đề Bạn Gặp Phải | Giải Pháp Có Thể Áp Dụng |
|---|---|--|
| Cổng USB không hoạt động | Thiết bị ngoại vi USB không hoạt động | <ul style="list-style-type: none">• Kiểm tra để màn hình của bạn đã được bật.• Kết nối lại cáp lên máy tính của bạn.• Kết nối các thiết bị ngoại vi USB (kết nối xuống).• Tắt rồi bật lại màn hình.• Khởi động lại máy tính.• Một số thiết bị USB như ổ HDD di động gắn ngoài đòi hỏi có dòng điện cao hơn; kết nối thiết bị trực tiếp vào hệ thống máy tính. |
| Cổng USB 3.0 tốc độ cực nhanh bị chậm | Thiết bị ngoại vi USB 3.0 tốc độ cực nhanh chạy chậm hoặc không chạy chút nào | <ul style="list-style-type: none">• Kiểm tra xem máy tính của bạn có chạy được USB 3.0 không.• Một số máy tính có các cổng USB 3.0, USB 2.0, và USB 1.1. Đảm bảo sử dụng đúng cổng USB.• Kết nối lại cáp lên máy tính của bạn.• Kết nối các thiết bị ngoại vi USB (kết nối xuống).• Khởi động lại máy tính. |
| Thiết bị ngoại vi USB không dây ngừng làm việc khi có thiết bị USB 3.0 được cắm vào | Thiết bị ngoại vi USB không dây đáp ứng chậm hoặc chỉ hoạt động nếu giảm khoảng cách giữa nó và bộ thu của nó | <ul style="list-style-type: none">• Tăng khoảng cách giữa các thiết bị ngoại vi USB 3.0 và bộ nhận USB không dây.• Đặt bộ thu USB không dây của bạn càng gần các thiết bị ngoại vi USB không dây càng tốt.• Sử dụng cáp USB mở rộng để đặt bộ thu USB không dây càng xa cổng USB 3.0 càng tốt. |

Phụ Lục

CẢNH BÁO: Hướng Dẫn Về An Toàn

 **CẢNH BÁO:** Sử dụng điều khiển, điều chỉnh, hoặc các bước ngoài những nội dung được quy định trong tài liệu này có thể dẫn đến bị điện giật, nguy cơ về điện, và/hoặc các mối nguy hiểm cơ học khác.


Để biết thông tin về hướng dẫn an toàn, xem Thông tin về An Toàn, Môi Trường Và Quy Định (SERI).

Thông Báo FCC (Chỉ U.S) Và Thông Tin Quy Định Khác

Đối với các thông báo FCC và thông tin quy định khác, xem trang web tuân thủ quy định tại www.dell.com/regulatory_compliance.

Liên hệ với Dell

Đối với khách hàng ở Hoa Kỳ, gọi 800-WWW-DELL (800-999-3355).

 **CHÚ Ý:** Nếu bạn không có kết nối Internet, bạn có thể tìm thông tin liên lạc trên hóa đơn mua hàng, phiếu đóng gói, hóa đơn, hoặc danh mục sản phẩm Dell.

Dell cung cấp một số lựa chọn dịch vụ và hỗ trợ qua điện thoại và trực tuyến. Sự sẵn có thay đổi theo quốc gia và sản phẩm, và một số dịch vụ có thể không có trong khu vực của bạn.

- Hỗ trợ kỹ thuật trực tuyến — www.dell.com/support/monitors
- Liên hệ Dell — www.dell.com/contactdell